

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **359/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-6-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thái Hoàn Xanh

2. Bà Nguyễn Thị Bông Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị An Thành - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1003/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Nữ Phương L, sinh năm 1987; HKTT và ngụ tại: 76/46/6 đường N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1983; HKTT: Ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Ngụ tại: 231 đường T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Cao Nữ Phương L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Quốc T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 192, quyển số 02 ngày 24/7/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ số 76/46/6 đường N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2011 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà L trình bày là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, lối sống không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã về mọi việc trong cuộc sống. Ông T thường không tôn trọng, tin tưởng và có những lời lẽ xúc phạm vợ. Bên cạnh đó, ông T không chung thủy, có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác. Mặc dù bà L đã nhiều lần khuyên nhủ và cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt dẫn đến vợ chồng bà ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

Về con chung: Bà L khai nhận vợ chồng có một người con chung là Nguyễn Cao Minh T1, sinh ngày 09/8/2011. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Từ bé đến nay con chung trực tiếp do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ lúc vợ chồng ly thân thì con chung sống cùng mẹ, được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ. Thường thứ 7, Chủ nhật ông T có đón bé về chơi.

Về tài sản chung: Bà L khai nhận vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà L khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

*Tại bản tự khai ngày 24/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Quốc T trình bày:* Về hoàn cảnh kết hôn và điều kiện kết hôn đúng như lời bà L trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình và các mâu thuẫn giữa vợ chồng đúng như bà L trình bày. Bên cạnh đó một phần mâu thuẫn là do bà L không có sự tôn trọng, tin tưởng chồng. Ông thừa nhận ông có nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác nên khiến bà L hiểu lầm. Vợ chồng ông ly

thân từ tháng 9/2019 cho đến nay, vợ chồng mỗi người ở một nơi. Tuy nhiên, nay bà L yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn. Vì ông còn tình cảm với vợ, ông mong muốn bà L suy nghĩ lại về tình cảm để vợ chồng hàn gắn và cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Ông T khai nhận vợ chồng có một người con chung là Nguyễn Cao Minh T1, sinh ngày 09/8/2011. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông T khai nhận vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông T khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu trên.

- Bị đơn: Thay đổi yêu cầu, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Cao Minh T1, sinh ngày 09/8/2011 và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà L phải chịu và tính theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 192, quyền số 02 ngày 24/7/2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Cao Nữ Phương L và ông Nguyễn Quốc T thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà L yêu cầu ly hôn, ông T có nơi cư ngụ tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về yêu cầu của nguyên đơn:* Bà Cao Nữ Phương L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc T:

Căn cứ lời khai của bà L, ông T thấy rằng vợ chồng ông bà chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng, vợ chồng không hợp nhau về mọi việc trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã về mọi việc trong cuộc sống. Bên cạnh đó một phần mâu thuẫn là do vợ chồng không có sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng ông bà đã ly thân từ tháng 9/2019 đến nay, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Đồng thời, qua xác minh tại địa phương thì nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng bà L ông T cũng có xảy ra những mâu thuẫn.

Tòa án tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, bà L cho rằng không còn tình cảm với ông T nên vẫn giữ nguyên quyết định ly hôn. Riêng ông T dù không muốn ly hôn nhưng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T là có thật và đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà L yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3]. *Về quan hệ con chung:* Bà L khai nhận vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Cao Minh T1, sinh ngày 09/8/2011. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi là phải dựa vào quyền lợi của trẻ. Từ trước đến nay, con chung do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và hiện nay cháu cũng đang sống cùng bà L. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2019 và bản tự khai ngày 12/5/2020, cháu Thắng có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Vì vậy, để ổn định cuộc sống, tâm lý của cháu T1 thì việc bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn phù hợp với lợi ích của trẻ và phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T.

[4]. *Về quan hệ tài sản:*

- Về tài sản chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có tài sản chung.
- Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí:* Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà L chịu án phí theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

##### **1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Nữ Phương L:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Nữ Phương L được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 192, quyền số 02 ngày 24/7/2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Cao Nữ Phương L

và ông Nguyễn Quốc T hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Hai bên khai nhận vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Cao Minh T1, sinh ngày 09/8/2011. Giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà L không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có tài sản chung.

+ Về nợ chung: hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

## **2/ Về án phí:**

Bà Cao Nữ Phương L chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0012866 ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

## **3/ Quyền kháng cáo:**

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND xã T, huyện C,  
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

**Đinh Thị Hương**